

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024 của Ban Dân tộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về phân bổ dự toán ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban Dân tộc: số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 về phê duyệt Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 951/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 về phê duyệt Ban hành đợt I (16 chuyên đề) của Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 86/QĐ-BDT ngày 20/02/2024 về phê duyệt Ban hành đợt II (08 chuyên đề) của Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1181/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về phê duyệt phân bổ vốn sự nghiệp năm 2023 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1); Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (đợt 1);

Căn cứ Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 22/4/2024 của UBND tỉnh về tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 4489/BC-STC ngày 08/8/2024 về việc Báo cáo thẩm định phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024 của Ban Dân tộc và Công văn số 790/BDT-KHTH ngày 15/7/2024 của Ban Dân tộc về việc bổ sung tài liệu thẩm định dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Tiểu

dự án 4, Dự án 5 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024 của Ban Dân tộc, với các nội dung chính sau:

1. Dự toán kinh phí chi tiết

Tổng số: 10.921.680.800 đồng

(Bằng chữ: Mười tỷ, chín trăm hai một triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, tám trăm đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục I và các Phụ biểu chi tiết kèm theo).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 số tiền: 10.921.680.800 đồng *(bao gồm, nguồn kinh phí năm 2023 theo Quyết định số 1181/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội số tiền 1.192.400.971 đồng và nguồn vốn theo Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 UBND tỉnh về phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 1) số tiền 9.729.279.829 đồng).*

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp thuộc Tiểu dự án 4, Dự án 5, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024 của Ban Dân tộc với các nội dung chi tiết theo Phụ lục II.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung dự toán cho Ban Dân tộc để thực hiện nhiệm vụ được giao theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu, hồ sơ báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

2. Giao Ban Dân tộc căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện; có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục tiêu được phê duyệt, thanh quyết toán theo quy định hiện hành, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình.

3. Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát đối với từng nội dung, nhiệm vụ được phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước. Giám đốc Kho bạc Nhà nước có quyền từ chối các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX (ngocnd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ CƠ SỞ VÀ CỘNG ĐỒNG THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NÂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số lớp	Số học viên	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định	Ghi chú
	TỔNG SỐ	68	6.994	11.192.400.000	10.921.680.800	
I	Tổ chức tập huấn cán bộ thôn, bản và cộng đồng	62	6.124	9.082.528.000	8.831.504.800	
1	Tập huấn tại huyện Mường Lát	4	352	591.620.000	576.248.800	Phụ biểu 01
2	Tập huấn tại huyện Quan Hóa	5	428	698.340.000	679.774.400	Phụ biểu 02
3	Tập huấn tại huyện Quan Sơn	4	376	581.180.000	563.077.600	Phụ biểu 03
4	Tập huấn tại huyện Bá Thước	8	820	1.228.540.000	1.193.285.600	Phụ biểu 04
5	Tập huấn tại huyện Lang Chánh	3	312	414.192.000	403.840.800	Phụ biểu 05
6	Tập huấn tại huyện Thường Xuân	5	444	704.700.000	689.700.800	Phụ biểu 06
7	Tập huấn tại huyện Như Xuân	5	508	698.280.000	684.884.000	Phụ biểu 07
8	Tập huấn tại huyện Như Thanh	5	536	760.820.000	742.584.800	Phụ biểu 08
9	Tập huấn tại huyện Ngọc Lặc	8	816	1.113.600.000	1.081.788.800	Phụ biểu 09
10	Tập huấn tại huyện Cẩm Thủy	4	412	536.132.000	517.165.600	Phụ biểu 10
11	Tập huấn tại huyện Thạch Thành	6	660	957.324.000	928.965.600	Phụ biểu 11
12	Tập huấn tại các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, thị xã Nghi Sơn	5	460	797.800.000	770.188.000	Phụ biểu 12

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số lớp	Số học viên	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định	Ghi chú
II	Tổ chức tập huấn cán bộ triển khai chương trình ở các cấp	6	870	1.252.880.000	1.241.684.000	Phụ biểu 13
III	Đi tham quan, học tập kinh nghiệm		135	836.260.000	827.760.000	
1	Đi tham quan học tập mô hình tại các tỉnh Tây Bắc		45	235.000.000	235.000.000	Phụ biểu 14
2	Đi tham quan học tập mô hình tại các tỉnh Miền Trung		45	299.010.000	297.010.000	Phụ biểu 15
3	Đi tham quan học tập mô hình các tỉnh Tây Nam Bộ		45	302.250.000	295.750.000	Phụ biểu 16
IV	Chi phí thuê tư vấn			20.732.000	20.732.000	
1	Chi phí thuê tư vấn lập HSMT, đánh giá HSDT			13.516.000	13.516.000	
2	Chi phí thuê tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			7.216.000	7.216.000	

Phụ biểu 01: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN MUỜNG LÁT)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TẬP HUẤN CỦA 12 LỚP

1. Nội dung tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng: Sử dụng các Chuyên đề thuộc Bộ Tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/12/2023, số 86/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

2. Đối tượng: Trưởng thôn, bản; Chi hội trưởng Hội nông dân thôn, bản; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ thôn, bản; Trưởng ban Công tác Mặt trận.

3. Thời gian: 03 ngày/lớp

4. Địa điểm: Tại trung tâm UBND huyện

B. DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Mường Lát 88 thôn, bản thuộc xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 352 người. Tổ chức 04 lớp: 88 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	591.620.000		576.248.800	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	113.600.000		103.440.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	43.200.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 04 lớp	43.200.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	14.400.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 04 lớp	14.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Mường Lát 250 km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	36.800.000	(250 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 4 lớp x 04 người	35.040.000	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. '- Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. '- Dự kiến 250km là khoảng cách cơ sở đào tạo trung tâm thực hiện. '+ Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 250km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (250 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) '+ Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 250km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chỉ hỗ trợ theo thực tế và phân kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định.
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 4 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 04 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	117.920.000		117.920.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	17.600.000	50.000 đồng/bộ x 352 người	17.600.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Văn phòng phẩm phát cho học viên (Túi, bút, sổ...)	14.080.000	352 người x 40.000 đồng/bộ	14.080.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	42.240.000	352 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	42.240.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	36.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 04 lớp	36.000.000	Báo giá hộ kinh doanh Lê Đăng Nhân
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi, phục vụ	8.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 04 lớp	8.000.000	Báo giá hộ kinh doanh Lê Đăng Nhân
3	Chi hỗ trợ học viên	323.700.000		318.928.800	
-	Hỗ trợ tiền ăn	158.400.000	352 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	158.400.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km trở lên: 232 người). (các xã: Mường Lý, Quang Chiểu, Nhi Sơn, Trung Lý, Mường Chanh)	69.600.000	232 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm (6 xã)	69.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	95.700.000		90.928.800	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 đến dưới 20km (76 người). (gồm các xã: Pù Nhi, Tam Chung).	33.060.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 76 người x 3 ngày	29.959.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 - trên 35km (232 người). (các xã: Mường Lý, Quang Chiểu, Nhi Sơn, Trung Lý, Mường Chanh)	62.640.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 232 người	60.969.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	28.400.000		27.960.000	

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	9.600.000		9.600.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	18.800.000		18.360.000	
+	Tiền lưu trú	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	9.200.000	250 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 04 lớp	8.760.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (Băng zon, thuốc phòng...)	8.000.000	04 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	8.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 02: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN QUAN HÓA)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Quan Hóa 107 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 428 người. Tổ chức 05 lớp: 86 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	698.340.000		679.774.400	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	132.800.000		120.540.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	54.000.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 05 lớp	54.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	18.000.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 05 lớp	18.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Quan Hóa 200 km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	36.800.000	(200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 5 lớp x 04 người	35.040.000	- Giá xăng theo giá của Bộ Công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 200km là khoảng cách cơ sở đào tạo trung thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 200km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 200km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
					và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định.
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 5 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 05 lớp	7.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	144.880.000		144.880.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	21.400.000	50.000 đồng/bộ x 428 người	21.400.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Văn phòng phẩm phát cho học viên (Túi, bút, sổ...)	17.120.000	428 người x 40.000 đồng/người	17.120.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	51.360.000	428 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	51.360.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	45.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 05 lớp	45.000.000	Báo giá Khách sạn Sông Mã

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	10.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 05 lớp	10.000.000	Báo giá Khách sạn Sông Mã
3	Chi hỗ trợ học viên	377.460.000		371.594.400	
-	Hỗ trợ tiền ăn	192.600.000	428 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	192.600.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km trở lên: 248 người). (gồm các xã: Phú Sơn, Phú Thanh, Thành Sơn, Trung Thành, Trung Sơn, Nam Động, Hiền Chung, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Lệ)	74.400.000	248 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	74.400.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	110.460.000		104.594.400	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 đến dưới 20 km (100 người). gồm xã: Nam Xuân, Nam Tiến, Phú Xuân)	43.500.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 100 người x 3 ngày	39.420.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 - trên 35 km (248 người). (gồm các xã: Phú Sơn, Phú Thanh, Thành Sơn, Trung Thành, Trung Sơn, Nam Động, Hiền Chung, Thiên Phú, Hiền Kiệt, Phú Lệ)	66.960.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 248 người	65.174.400	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	33.200.000		32.760.000	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	12.000.000		12.000.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	21.200.000		20.760.000	
+	Tiền lưu trú	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	9.200.000	200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 05 lớp	8.760.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	05 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	10.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 03: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN QUAN SƠN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Quan Sơn 94 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 gười/thôn, bản = 376 người. Tổ chức 04 lớp: 94 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	581.180.000		563.077.600	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	106.240.000		96.432.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	43.200.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 04 lớp	43.200.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	14.400.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 04 lớp	14.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Quan Sơn 200 km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	29.440.000	(200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 4 lớp x 04 người	28.032.000	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 200km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 200km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 200km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phân kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 4 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 04 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	122.960.000		122.960.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	18.800.000	50.000 đồng/bộ x 376 người	18.800.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	15.040.000	376 người x 40.000 đồng/người	15.040.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	45.120.000	376 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	45.120.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	36.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 04 lớp	36.000.000	Báo giá TTVH, TT&DL huyện Quan Sơn
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi, phục vụ	8.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 04 lớp	8.000.000	Báo giá TTVH, TT&DL huyện Quan Sơn
3	Chi hỗ trợ học viên	315.420.000		309.477.600	
-	Hỗ trợ tiền ăn	169.200.000	376 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	169.200.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20km trở lên: 168 người). (gồm xã: Sơn Điện, Na Mèo, Sơn Thủy, Mường Mìn, Trung Xuân)	50.400.000	168 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	50.400.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	95.820.000		89.877.600	

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20 km (116 người). (gồm xã: Trung Tiến, Tam Thanh, Tam Lư, Trung Hạ)	50.460.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 116 người x 3 ngày	45.727.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 - trên 35 km (168 người). (gồm xã: Sơn Điện, Na Mèo, Sơn Thủy, Mường Mìn, Trung Xuân)	45.360.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 168 người	44.150.400	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	26.560.000		26.208.000	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	9.600.000		9.600.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	16.960.000		16.608.000	
+	Tiền lưu trú	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	7.360.000	200 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 04 lớp	7.008.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	04 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	8.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 04: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN BÁ THƯỚC)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Bá Thước 205 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 820 người. Tổ chức 8 lớp: 103 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	1.228.540.000		1.193.285.600	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	200.704.000		181.651.200	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	86.400.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 08 lớp	86.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	28.800.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 08 lớp	28.800.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Bá Thước 160km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	47.104.000	(160 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 08 lớp x 04 người	44.851.200	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. '- Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 160km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 160km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (160 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 160km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	19.200.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 8 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	19.200.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 08 lớp	12.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	260.200.000		260.200.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	41.000.000	50.000 đồng/bộ x 820 người	41.000.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	32.800.000	820 người x 40.000 đồng/người	32.800.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	98.400.000	820 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	98.400.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	72.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 8 lớp	72.000.000	Báo giá Cty CP bất động sản và du lịch Ebino
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	16.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 8 lớp	16.000.000	Báo giá Cty CP bất động sản và du lịch Ebino
3	Chi hỗ trợ học viên	701.460.000		685.821.600	
-	Hỗ trợ tiền ăn	369.000.000	820 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	369.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km trở lên: 336 người). (gồm xã: Điền Hạ, Điền Quang, Văn Nho, Kỳ Tân, Lũng Cao, Điền Thượng, Hạ Trung, Lương Trung, Lương Nội)	100.800.000	336 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	100.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	231.660.000		216.021.600	

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20 km: 324 người. (gồm xã: Thành Lâm, Thành Sơn, Lũng Niêm, Cổ Lũng, Thiết Ống, Thiết Kế, Lương Ngoại, Điền Lư, Điền Trung)	140.940.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 324 người x 3 ngày	127.720.800	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35 km: 336 người. (gồm xã: Điền Hạ, Điền Quang, Văn Nho, Kỳ Tân, Lũng Cao, Điền Thượng, Hạ Trung, Lương Trung, Lương Nội)	90.720.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 336 người	88.300.800	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	50.176.000		49.612.800	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	19.200.000		19.200.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	9.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 8 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	9.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 8 lớp	9.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	30.976.000		30.412.800	
+	Tiền lưu trú	9.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 8 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	9.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 8 lớp	9.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Hỗ trợ xăng xe	11.776.000	(160 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 8 lớp	11.212.800	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	16.000.000	08 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	16.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 05: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN LANG CHÁNH)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Lang Chánh 78 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 312 người. Tổ chức 03 lớp: 104 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	414.192.000		403.840.800	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	70.848.000		63.914.400	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	32.400.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 03 lớp	32.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	10.800.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 03 lớp	10.800.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Lang Chánh 120km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	13.248.000	(120 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 03 lớp x 04 người	12.614.400	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. '- Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 120km là khoảng cách cơ sở đào tạo trung tâm thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 160km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (120 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 120km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
					và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	7.200.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 3 lớp	3.600.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	7.200.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 3 lớp	4.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	98.520.000		98.520.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	15.600.000	50.000 đồng/bộ x 312 người	15.600.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	12.480.000	312 người x 40.000 đồng/người	12.480.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	37.440.000	312 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	37.440.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	27.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 03 lớp	27.000.000	Báo giá Hộ kinh doanh Lưu Thị Phúc

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	6.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 03 lớp	6.000.000	Báo giá Hộ kinh doanh Lưu Thị Phúc
3	Chi hỗ trợ học viên	220.560.000		217.852.800	
-	Hỗ trợ tiền ăn	140.400.000	312 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	140.400.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km trở lên: 104 người). (gồm xã: Yên Khương, Lâm Phú, Yên Thắng)	31.200.000	104 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	31.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	48.960.000		46.252.800	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20 km: 48 người. (gồm các xã: Giao Thiện, Tam Văn)	20.880.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 48 người x 3 ngày	18.921.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35km: 104 người. (gồm xã: Yên Khương, Lâm Phú, Yên Thắng)	28.080.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 104 người	27.331.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	18.264.000		17.553.600	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	7.200.000		7.200.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	3.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 03 lớp	3.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	3.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 03 lớp	3.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	11.064.000		10.353.600	
+	Tiền lưu trú	3.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 03 lớp	3.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	3.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 03 lớp	3.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	3.864.000	120 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 03 lớp	3.153.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	6.000.000	03 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	6.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 06: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN THƯỜNG XUÂN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
	Huyện Thường Xuân 111 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 444 người. Tổ chức 05 lớp: 89 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	704.700.000		689.700.800	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	110.720.000		99.516.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	54.000.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 05 lớp	54.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	18.000.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 05 lớp	18.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Thường Xuân 80km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	14.720.000	(80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 05 lớp x 04 người	14.016.000	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 80km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 80km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 80km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 5 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 5 lớp	7.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	148.240.000		148.240.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	22.200.000	50.000 đồng/bộ x 444 người	22.200.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	17.760.000	444 người x 40.000 đồng/người	17.760.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	53.280.000	444 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	53.280.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	45.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 05 lớp	45.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	10.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 05 lớp	10.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
3	Chi hỗ trợ học viên	408.060.000		404.440.800	
-	Hỗ trợ tiền ăn	199.800.000	444 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	199.800.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện trên 20 Km: 344 người). (gồm các xã: Bát Mọt, Yên Nhân, Luận Khê, Tân Thành, Xuân Lộc, Xuân Lẻ, Xuân Chinh, Luận Thành, Xuân Cao, Xuân Thắng, Vạn Xuân)	103.200.000	344 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	103.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	105.060.000		101.440.800	

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20 km: 28 người. (xã Lương Sơn)	12.180.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 28 người x 3 ngày	11.037.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35km: 344 người. (gồm các xã: Bát Mọt, Yên Nhân, Luận Khê, Tân Thành, Xuân Lộc, Xuân Lẻ, Xuân Chinh, Luận Thành, Xuân Cao, Xuân Thắng, Vạn Xuân)	92.880.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 344 người	90.403.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	27.680.000		27.504.000	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	12.000.000		12.000.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	15.680.000		15.504.000	
+	Tiền lưu trú	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
+	Hỗ trợ xăng xe	3.680.000	80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 05 lớp	3.504.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zon tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	05 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	10.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 07: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN NHƯ XUÂN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
	Huyện Như Xuân 127 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 508 người. Tổ chức 05 lớp: 102 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	698.280.000		684.884.000	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	110.720.000		99.516.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	54.000.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 05 lớp	54.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	18.000.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 05 lớp	18.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Như Xuân 80km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	14.720.000	(80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 05 lớp x 04 người	14.016.000	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 80km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 80km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 80km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 5 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 05 lớp	7.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	161.680.000		161.680.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	25.400.000	50.000 đồng/bộ x 508 người	25.400.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	20.320.000	508 người x 40.000 đồng/người	20.320.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	60.960.000	508 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	60.960.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	45.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 05 lớp	45.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	10.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 05 lớp	10.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
3	Chi hỗ trợ học viên	388.200.000		386.184.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn	228.600.000	508 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	228.600.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện trên 20 km): 280 người. (gồm các xã: Tân Bình, Thanh Hòa, Xuân Hòa, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thanh Phong, Thanh Quân, Thanh Lâm, Xuân Bình, Bãi Trành)	84.000.000	280 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	84.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền đi lại	75.600.000		73.584.000	

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 - trên 35km: 280 người. (gồm các xã: Tân Bình, Thanh Hòa, Xuân Hòa, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thanh Phong, Thanh Quân, Thanh Lâm, Xuân Bình, Bãi Trành)	75.600.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 280 người	73.584.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	27.680.000		27.504.000	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	12.000.000		12.000.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	15.680.000		15.504.000	
+	Tiền lưu trú	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	3.680.000	80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 05 lớp	3.504.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
5	Chi khác (băng zon tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	05 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	10.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 08: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN NHƯ THANH)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Như Thanh: 134 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 528 người. Tổ chức 05 lớp: 106 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	760.820.000		742.584.800	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	107.040.000		96.012.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	54.000.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 05 lớp	54.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	18.000.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 05 lớp	18.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Như Thanh 60km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	11.040.000	(60 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 05 lớp x 04 người	10.512.000	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 60km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 60km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (60 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 60km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 5 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 5 lớp	7.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	165.880.000		165.880.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	26.400.000	50.000 đồng/bộ x 528 người	26.400.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	21.120.000	528 người x 40.000 đồng/người	21.120.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	63.360.000	528 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	63.360.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	45.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 05 lớp	45.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	10.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 05 lớp	10.000.000	Trung tâm VH TT, TT&DL huyện
3	Chi hỗ trợ học viên	451.140.000		444.064.800	
-	Hỗ trợ tiền ăn	237.600.000	528 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	237.600.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện trên 20 km): 280 người. (gồm các xã: Xuân Thái, Thanh Kỳ, Thanh Tân, Yên Lạc, Cán Khê, Xuân Du)	84.000.000	280 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	84.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền đi lại	129.540.000		122.464.800	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20km: 124 người. (gồm các xã: Phượng Nghi, Mậu Lâm, Xuân Khang)	53.940.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 124 người x 3 ngày	48.880.800	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35km (280 người). (gồm các xã: Xuân Thái, Thanh Kỳ, Thanh Tân, Yên Lạc, Cán Khê, Xuân Du)	75.600.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 280 người	73.584.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	26.760.000		26.628.000	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	12.000.000		12.000.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	14.760.000		14.628.000	
+	Tiền lưu trú	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	6.000.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 05 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Hỗ trợ xăng xe	2.760.000	60 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 05 lớp	2.628.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	05 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	10.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 09: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN NGỌC LẶC)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Ngọc Lặc 204 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 4 người/thôn, bản = 816 người. Tổ chức 08 lớp: 102 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	1.113.600.000		1.081.788.800	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	177.152.000		159.225.600	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	86.400.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 08 lớp	86.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	28.800.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 08 lớp	28.800.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Ngọc Lặc 80km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	23.552.000	(80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 08 lớp x 04 người	22.425.600	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 80km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 80km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 80km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	19.200.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 8 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	19.200.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 8 lớp	12.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	259.360.000		259.360.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	40.800.000	50.000 đồng/bộ x 816 người	40.800.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	32.640.000	816 người x 40.000 đồng/người	32.640.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	97.920.000	816 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	97.920.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	72.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 08 lớp	72.000.000	Văn phòng UBND - HĐND huyện
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	16.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 08 lớp	16.000.000	Văn phòng UBND - HĐND huyện
3	Chi hỗ trợ học viên	616.800.000		603.196.800	
-	Hỗ trợ tiền ăn	367.200.000	816 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	367.200.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện trên 20 km): 212 người. (gồm các xã: Cao Thịnh, Nguyệt An, Phúc Thịnh, Phùng Minh, Phùng Giáo, Lộc Thịnh)	63.600.000	212 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	63.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền đi lại	186.000.000		172.396.800	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20km: 296 người. (gồm các xã: Đồng Thịnh, Mỹ Tân, Ngọc Trung, Minh Tiến, Thạch Lập, Kiên Thọ, Cao Ngọc, Vân Am)	128.760.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 296 người x 3 ngày	116.683.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35km: 212 người. (gồm các xã: Cao Thịnh, Nguyệt Ấn, Phúc Thịnh, Phùng Minh, Phùng Giáo, Lộc Thịnh)	57.240.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 212 người	55.713.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	44.288.000		44.006.400	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	19.200.000		19.200.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	9.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 08 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	9.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 08 lớp	9.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	25.088.000		24.806.400	
+	Tiền lưu trú	9.600.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 08 lớp	9.600.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	9.600.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 08	9.600.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
			lốp		
+	Hỗ trợ xăng xe	5.888.000	80 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 08 lốp	5.606.400	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	16.000.000	08 lốp x 2.000.000 đồng/lốp	16.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 10: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN CẨM THỦY)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Cẩm Thủy 103 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 412 người. Tổ chức 04 lớp: 103 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	536.132.000		517.165.600	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	90.336.000		81.014.400	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	43.200.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 04 lớp	43.200.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	14.400.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 04 lớp	14.400.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Cẩm Thủy 90km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	13.536.000	(90 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 04 lớp x 04 người	12.614.400	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 90km là khoảng cách cơ sở đào tạo trung tâm thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 90km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (90 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 90km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 4 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	9.600.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 04 lớp	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	130.520.000		130.520.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	20.600.000	50.000 đồng/bộ x 412 người	20.600.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	16.480.000	412 người x 40.000 đồng/người	16.480.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	49.440.000	412 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	49.440.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	36.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 04 lớp	36.000.000	Báo giá Nhà hàng Vân Hà
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	8.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 04 lớp	8.000.000	Báo giá Nhà hàng Vân Hà
3	Chi hỗ trợ học viên	284.580.000		275.277.600	
-	Hỗ trợ tiền ăn	185.400.000	412 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	185.400.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền đi lại	99.180.000		89.877.600	

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20km: 228 người. (gồm các xã: Cẩm Liên, Cẩm Thành, Cẩm Thạch, Cẩm Lương, Cẩm Châu, Cẩm Tâm, Cẩm Yên, Cẩm Quý, Cẩm Long, Cẩm Phú).	99.180.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 228 người x 3 ngày	89.877.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	22.696.000		22.353.600	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	9.600.000		9.600.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	13.096.000		12.753.600	
+	Tiền lưu trú	4.800.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 04 lớp	4.800.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	4.800.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 04 lớp	4.800.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
+	Hỗ trợ xăng xe	3.496.000	90 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 04 lớp	3.153.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	8.000.000	04 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	8.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 11: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN THẠCH THÀNH)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Huyện Thạch Thành 165 thôn, bản xã khu vực I, II, III x 04 người/thôn, bản = 660 người. Tổ chức 06 lớp: 110 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	957.324.000		928.965.600	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	135.072.000		121.521.600	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	64.800.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 06 lớp	64.800.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	21.600.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 06 lớp	21.600.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho giảng viên, trợ giảng. Dự kiến cơ sở đào tạo cách huyện Thạch Thành 90km (tạm tính và thực hiện theo thương thảo hợp đồng)	19.872.000	(90 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 06 lớp x 04 người	18.921.600	- Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu. - Số lượng 4 người, gồm 03 giảng viên + 01 trợ giảng. - Dự kiến 90km là khoảng cách cơ sở đào tạo trúng thầu thực hiện. + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn > 90km thì mỗi giảng viên, trợ giảng chỉ được hưởng tiền đi lại không quá (90 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) + Nếu cơ sở đào tạo cách địa điểm tập huấn < 90km thì quá trình thương thảo hợp đồng BDT sẽ chi hỗ trợ theo thực tế và phần kinh phí còn dư nộp trả NSNN theo quy định

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	14.400.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 6 lớp	7.200.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	14.400.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 6 lớp	9.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	204.600.000		204.600.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	33.000.000	50.000 đồng/bộ x 660 người	33.000.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	26.400.000	660 người x 40.000 đồng/người	26.400.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	79.200.000	660 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	79.200.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	54.000.000	3.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 06 lớp	54.000.000	Báo giá Công ty TNHH dịch vụ và TM Đại An
-	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	12.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 06 lớp	12.000.000	Báo giá Công ty TNHH dịch vụ và TM Đại An
3	Chi hỗ trợ học viên	573.540.000		558.890.400	
-	Hỗ trợ tiền ăn	297.000.000	660 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	297.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện trên 20 km: 244 người). (gồm các xã: Thạch Lâm, Thạch Tượng, Thạch Quảng, Thạch Cẩm, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Minh, Thành Công)	73.200.000	244 người x 150.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	73.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	203.340.000		188.690.400	
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 10 km đến dưới 20km: 316 người. (gồm các xã: Thạch Sơn, Thạch Bình, Thành Trục, Thành Vinh, Thành Tân, trị trấn Vân Du, Thành Tâm, Ngọc Trạo, Thành Long).	137.460.000	(15km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 316 người x 3 ngày	124.567.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC.
+	Khoảng cách từ xã đến trung tâm huyện từ 20 km đến trên 35km: 244 người. (gồm các xã: Thạch Lâm, Thạch Tượng, Thạch Quảng, Thạch Cẩm, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Minh, Thành Công)	65.880.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 244 người	64.123.200	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi quản lý lớp học, kiểm tra, giám sát	32.112.000		31.953.600	
-	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	14.400.000		14.400.000	
+	Phụ cấp lưu trú cho CBQL lớp	7.200.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 06 lớp	7.200.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền thuê phòng nghỉ cho CBQL lớp	7.200.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 06 lớp	7.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Chi công tác kiểm tra, giám sát các lớp tập huấn (Cơ quan chủ quản thực hiện)	17.712.000		17.553.600	
+	Tiền lưu trú	7.200.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 06 lớp	7.200.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
+	Tiền ngủ	7.200.000	02 người x 300.000 đồng/người/đêm x 02 đêm x 06 lớp	7.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
+	Hỗ trợ xăng xe	3.312.000	60 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều x 06 lớp	3.153.600	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ một phần xăng xe đi giám sát
5	Chi khác (băng zon tuyên truyền, thuốc phòng...)	12.000.000	06 lớp x 2.000.000 đồng/lớp	12.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 12: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG (HUYỆN: THỌ XUÂN, HÀ TRUNG, TRIỆU SƠN, YÊN ĐỊNH; THỊ XÃ NGHI SƠN)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
	Các huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, Thị xã Nghi Sơn 115 thôn, bản ĐBK x 04 người/thôn, bản = 460 người. Tổ chức 05 lớp: 92 đại biểu/lớp. Số giảng viên: 3 gv + 1 trợ giảng	797.800.000		770.188.000	
1	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	96.000.000		85.500.000	
-	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	54.000.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 05 lớp	54.000.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
-	Chi thù lao trợ giảng	18.000.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 05 lớp	18.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
-	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3 gv x 1 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 5 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
-	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	12.000.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 5 lớp	7.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Chi phí tổ chức lớp học	186.600.000		186.600.000	
-	Tiền in tài liệu cho học viên	23.000.000	50.000 đồng/bộ x 460 người	23.000.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
-	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	18.400.000	460 người x 40.000 đồng/người	18.400.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
-	Tiền nước uống	55.200.000	460 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	55.200.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
-	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	75.000.000	5.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 05 lớp	75.000.000	Báo giá Công ty TNHH Thương mại Hồ Thành
-	Trang trí hội trường, market, hoa tươi	15.000.000	3.000.000 đồng/lớp x 5 lớp	15.000.000	Báo giá Công ty TNHH Thương mại Hồ Thành
3	Chi hỗ trợ học viên	478.400.000		475.088.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn	207.000.000	460 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	207.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ (các đại biểu có khoảng cách từ xã đến trung tâm TP trên 35 km: 460 người). (Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, Nghi Sơn).	147.200.000	460 người x 160.000 đồng/người/đêm x 02 đêm	147.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC.
-	Hỗ trợ tiền đi lại	124.200.000		120.888.000	
+	Khoảng cách từ xã đến thành phố Thanh Hóa trên 35 km: 460 người. (Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, Nghi Sơn). Tính bình quân 30 km	124.200.000	(30km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 460 người	120.888.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC
4	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	26.800.000		13.000.000	
-	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp	6.000.000	02 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 05 lớp	6.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
-	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ quản lý lớp	7.000.000	02 người x 350.000 đồng/người/ngày x 02 đêm x 05 lớp	7.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ chi phí đi lại cho cán bộ quản lý lớp. Dự kiến cơ sở đào tạo cách thành phố Thanh Hóa hơn 150 km.	13.800.000		0	Không đủ cơ sở thẩm định

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú căn cứ tính
5	Chi khác (băng zôn tuyên truyền, thuốc phòng...)	10.000.000	05 lớp x 2000.000 đồng/lớp	10.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

Phụ biểu 13: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TẬP HUẤN

- 1. Nội dung Tập huấn cho cán bộ triển khai chương trình ở các cấp:** Sử dụng các Chuyên đề thuộc Bộ Tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 08/12/2023, số 86/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
- 2. Đối tượng:** Phó Chủ tịch UBND xã; Công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng; Công chức phụ trách công tác dân tộc; Công chức Văn phòng - Thống kê; Công chức Tài chính - Kế toán.

3. Thời gian: 03 ngày/lớp

4. Địa điểm: Thành phố Thanh Hóa

5. Tổng số đại biểu và số lớp tập huấn:

- 174 xã khu vực I, II, III: 174 x 05 đối tượng = 870 đại biểu
- Tổ chức 06 lớp: 145 đại biểu/lớp

B. DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
	Tổng	1.252.880.000		1.241.684.000	
I	Chi phí cho Giảng viên, trợ giảng	115.200.000		104.400.000	
1	Chi thù lao giảng viên TS, GVC...	64.800.000	06 buổi/lớp x 1.800.000 đồng/buổi x 06 lớp	64.800.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC
2	Chi thù lao trợ giảng	21.600.000	06 buổi/lớp x 600.000 đồng/buổi x 06 lớp	21.600.000	Điểm a Khoản 2 Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
3	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	14.400.000	(3 gv x 1,5 ngày + 1 trợ giảng x 3 ngày) x 200.000 đồng/người/ngày x 6 lớp	9.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT40/2017/TT-BTC. Dự kiến mỗi gv dạy 1 ngày, trợ giảng 3 ngày
4	Thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng (04 người)	14.400.000	(3gv x 1 đêm + 1 trợ giảng x 2đêm) x 300.000 đồng/người/đêm x 6 lớp	9.000.000	Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
II	Chi phí tổ chức lớp học	290.700.000		290.700.000	
1	Tiền in tài liệu cho học viên	43.500.000	50.000 đồng/bộ x 870 người	43.500.000	Báo giá công ty TNHH Thái Toàn Hưng
2	Tiền văn phòng phẩm phát học viên (Túi, bút, sổ...)	34.800.000	870 người x 40.000 đồng/người	34.800.000	Báo giá công ty TNHH MTV TM Tiến Thành Thảo
3	Tiền nước uống	104.400.000	870 người x 40.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	104.400.000	Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
4	Tiền thuê hội trường (bao gồm cả loa đài, máy chiếu, màn chiếu)	90.000.000	5.000.000 đồng/ngày x 03 ngày/lớp x 06 lớp	90.000.000	Báo giá Công ty TNHH thương mại Hồ Thành
5	Trang trí hội trường, ma kết, hoa tươi	18.000.000	3.000.000 đồng/lớp x 06 lớp	18.000.000	Báo giá Công ty TNHH thương mại Hồ Thành
III	Phụ cấp công tác phí cho học viên tham dự lớp tập huấn	819.500.000		819.500.000	
1	Phụ cấp lưu trú	391.500.000	870 người x 150.000 đồng/người/ngày x 03 ngày	391.500.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
2	Hỗ trợ tiền ngủ cho học viên	278.400.000	870 người x 160.000 đồng/người/ngày x 02 đêm	278.400.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
3	Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên	149.600.000		149.600.000	
-	Khoảng cách từ Trung tâm huyện đến thành phố Thanh Hóa trên 200 km (gồm các huyện Mường Lát). Tính bình quân 200.000 đồng/người/chiều. Tổng số 08 xã: 40 người	16.000.000	40 người x 200.000 đồng/người/chiều x 02 chiều	16.000.000	Điều 4 TT 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023; Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Khoảng cách từ Trung tâm huyện đến thành phố Thanh Hóa từ 100 km đến dưới 200 km (gồm các huyện Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh). Tính bình quân 100.000 đồng/người/chiều. Tổng số 58 xã: 290 người	58.000.000	290 người x 100.000 đồng/người/chiều x 02 chiều	58.000.000	Điều 4 TT 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023; Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Khoảng cách từ Trung tâm huyện đến thành phố Thanh Hóa dưới 100 km (gồm các huyện: Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Hà Trung, Yên Định). Tính bình quân 70.000 đồng/người/chiều. Tổng số 108 xã: 540 người	75.600.000	540 người x 70.000 đồng/người/chiều x 02 chiều	75.600.000	Điều 4 TT 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023; Điều 5, TT 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018; Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
IV	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp (đơn vị đào tạo thực hiện)	15.480.000		15.084.000	
1	Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp	3.600.000	01 người x 200.000 đồng/người/ngày x 03 ngày x 06 lớp	3.600.000	Điều 6, TT 40/2017/TT-BTC

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Cơ sở tính	Thành tiền	Ghi chú
2	Thuê phòng nghỉ cho cán bộ quản lý lớp	3.600.000	01 người x 300.000 đồng/người/ngày x 02 đêm x 06 lớp	3.600.000	Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
3	Hỗ trợ chi phí đi lại cho cán bộ quản lý lớp. Dự kiến cơ sở đào tạo cách thành phố Thanh Hóa hơn 150 km.	8.280.000	(150 km x 0,2 lít/km x 21.900 đồng/lít x 02 chiều) x 6 lớp x 01 người	7.884.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Giá xăng theo giá của Bộ công thương công bố tại công văn 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 v/v điều hành kinh doanh xăng dầu
V	Chi khác (băng zon, thuốc phòng,...)	12.000.000	2.000.000 đồng/lớp x 06 lớp	12.000.000	

**Phụ biểu 14: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ HỌC TẬP MÔ HÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. TỔ CHỨC ĐI HỌC TẬP KINH NGHIỆM NGOÀI TỈNH

A. Nội dung, đối tượng, thời gian, kinh phí

- 1. Nội dung:** Đi học tập, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế và triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2. Đối tượng:** Tổng số 45 đại biểu, gồm:
- Lựa chọn học viên tiêu biểu tại các lớp tập huấn thuộc Chương trình 1719 năm 2023: 30 đại biểu
 - + Học viên là cán bộ thôn, bản: 20 đại biểu.
 - + Học viên là cán bộ xã: 10 đại biểu
 - Đại biểu cấp huyện: 05 đại biểu
 - Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình cấp tỉnh: 06 đại biểu
 - Ban tổ chức cơ quan chủ trì: 04 đại biểu
- 3. Thời gian:** 07 ngày (không kể thời gian đi và về)
- 4. Địa điểm:** Sơn La - Điện Biên - Lai Châu
- B. Dự toán chi tiết kinh phí**

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
	Tổng	235.000.000		235.000.000	
I	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở, đi lại cho đại biểu ở xa đến tập trung tại TP Thanh Hóa (đại biểu đến từ chiều hôm trước để hôm sau xuất phát sớm)	19.500.000		19.500.000	

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ tiền ăn	4.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 01 ngày	4.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1 ngày để sáng hôm sau đi
2	Hỗ trợ tiền ngủ	6.000.000	20 đại biểu x 300.000 đồng/người/tối x 01 tối	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1 ngày để sáng hôm sau đi
3	Hỗ trợ tiền đi lại	9.500.000		9.500.000	
-	Các đại biểu huyện Mường Lát	3.000.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 100.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 200.000đ/người) x 02 chiều x 05 đại biểu	3.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Các đại biểu huyện Quan Sơn	2.300.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 80.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 150.000đ/người) x 02 chiều x 5 đại biểu	2.300.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Các đại biểu huyện Quan Hóa	2.300.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 80.000 đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 150.000đ/người) x 02 chiều x 05 đại biểu	2.300.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Các đại biểu huyện Bá Thước	1.900.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 70.000 đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 120.000đ/người) x 02 chiều x 05 đại biểu	1.900.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
II	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở đi lại cho đại biểu đi học tập kinh nghiệm	128.000.000		128.000.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn	28.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 07 ngày	28.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
2	Hỗ trợ tiền ngủ (tại Trung tâm Thành phố, Thị xã)	42.000.000	20 đại biểu x 350.000 đồng/người/tối x 06 đêm	42.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
3	Tiền thuê xe (xe 45 chỗ Univers chất lượng cao)	56.000.000	07 ngày x 8.000.000 đồng/ngày x 01 xe	56.000.000	Báo giá Công ty TNHH du lịch Hạ Long.
4	Chi khác (thuốc phòng y tế, vé tham quan các điểm...)	2.000.000		2.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN
III	Chi hỗ trợ phụ cấp công tác phí cho cán bộ xã, huyện, tỉnh và Ban tổ chức của cơ quan chủ trì trong thời gian học tập kinh nghiệm	87.500.000		87.500.000	
1	Phụ cấp lưu trú	35.000.000	25 người x 200.000 đồng/người/ngày x 07 ngày	35.000.000	Khoản 1 Điều 6, Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
2	Tiền ngủ (tại Trung tâm Thành phố, Thị xã)	52.500.000	25 người x 350.000 đồng/người/tối x 06 đêm	52.500.000	

Phụ biểu 15: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ HỌC TẬP MÔ HÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. TỔ CHỨC ĐI HỌC TẬP KINH NGHIỆM NGOÀI TỈNH

A. Nội dung, đối tượng, thời gian, kinh phí

1. Nội dung: Đi học tập, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế và triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng: Tổng số 45 đại biểu

- Lựa chọn học viên tiêu biểu tại các lớp tập huấn thuộc Chương trình 1719 năm 2023: 30 đại biểu

+ Học viên là cán bộ thôn, bản: 20 đại biểu.

+ Học viên là cán bộ xã: 10 đại biểu

- Đại biểu cấp huyện: 05 đại biểu

- Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình cấp tỉnh: 06 đại biểu

- Ban tổ chức cơ quan chủ trì: 04 đại biểu

3. Thời gian: 08 ngày (không kể ngày đi và về)

4. Địa điểm: Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Bình Định

B. Dự toán chi tiết kinh phí

DVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
	Tổng	299.010.000		297.010.000	
I	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở, đi lại cho đại biểu ở xa đến tập trung tại TP Thanh Hóa (đại biểu đến từ chiều hôm trước đến hôm sau xuất phát sớm)	15.760.000		13.760.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn	4.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 1/2 ngày	2.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1/2 ngày để sáng hôm sau đi

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
2	Hỗ trợ tiền ngủ	6.000.000	20 đại biểu x 300.000 đồng/người/tối x 01 tối	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1/2 ngày để sáng hôm sau đi
3	Hỗ trợ tiền đi lại	5.760.000		5.760.000	
-	Các đại biểu huyện Lang Chánh	1.280.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 60.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 100.000đ/người) x 02 chiều x 04 đại biểu	1.280.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện
-	Các đại biểu huyện Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Thường Xuân	4.480.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 60.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 80.000đ/người) x 2 chiều x 16 đại biểu	4.480.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện
II	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở đi lại cho đại biểu đi học tập kinh nghiệm	167.000.000		167.000.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn	32.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 08 ngày	32.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
2	Hỗ trợ tiền ngủ (tại trung tâm Thành phố, Thị xã tại các tỉnh)	61.000.000		61.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ tại Đà Nẵng, Bình Định	54.000.000	20 đại biểu x 450.000 đồng/người/tối x 06 tối	54.000.000	
-	Hỗ trợ tiền ngủ tại Quảng Ngãi	7.000.000	20 đại biểu x 350.000 đồng/người/tối x 01 tối	7.000.000	
3	Tiền thuê xe (xe 45 chỗ Univers chất lượng cao)	72.000.000	08 ngày x 9.000.000 đồng/ngày x 01 xe	72.000.000	Báo giá Công ty TNHH du lịch Hạ Long.
4	Chi khác (thuốc phòng y tế, vé tham quan các điểm...)	2.000.000		2.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
III	Chi hỗ trợ phụ cấp công tác phí cho cán bộ xã, cán bộ huyện, tỉnh và Ban tổ chức của cơ quan chủ chương trình trong thời gian học tập kinh nghiệm	116.250.000		116.250.000	
1	Phụ cấp lưu trú	40.000.000	25 người x 200.000 đồng/người/ngày x 08 ngày	40.000.000	Khoản 1 Điều 6, TT 40/2017/TT-BTC
2	Tiền ngủ (tại trung tâm Thành phố, Thị xã tại các tỉnh)	76.250.000		76.250.000	
-	Hỗ trợ tiền ngủ tại Đà Nẵng, Bình Định	67.500.000	25 người x 450.000 đồng/người/tối x 06 đêm	67.500.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
-	Hỗ trợ tiền ngủ tại Quảng Ngãi	8.750.000	25 người x 350.000 đồng/người/tối x 01 đêm	8.750.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

Phụ biểu 16: DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ HỌC TẬP MÔ HÌNH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. TỔ CHỨC ĐI HỌC TẬP KINH NGHIỆM NGOÀI TỈNH

A. Nội dung, đối tượng, thời gian, kinh phí

- 1. Nội dung:** Đi học tập, trao đổi kinh nghiệm phát triển kinh tế và triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1719 của Thủ tướng Chính phủ.
- 2. Đối tượng:** Tổng số 45 đại biểu, gồm:
- Lựa chọn học viên tiêu biểu tại các lớp tập huấn thuộc Chương trình 1719 năm 2023: 30 đại biểu
 - + Học viên là cán bộ thôn, bản: 20 đại biểu.
 - + Học viên là cán bộ xã: 10 đại biểu
 - Đại biểu cấp huyện: 05 đại biểu
 - Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình cấp tỉnh: 06 đại biểu
 - Ban tổ chức cơ quan chủ trì: 04 đại biểu
- 3. Thời gian:** 08 ngày (không kể thời gian đi và về)
- 4. Địa điểm:** Cần Thơ - Cà Mau
- B. Dự toán chi tiết kinh phí**

ĐVT: Đồng.

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Sở Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
	Tổng	302.250.000		295.750.000	
I	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở, đi lại cho đại biểu ở xa đến tập trung tại TP Thanh Hóa (đại biểu đến từ chiều hôm trước đến hôm sau xuất phát sớm)	14.500.000		12.500.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn	4.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 1/2 ngày	2.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1/2 ngày để sáng hôm sau đi

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
2	Hỗ trợ tiền ngủ	6.000.000	20 đại biểu x 300.000 đồng/người/tối x 01 tối	6.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC. Đến trước 1/2 ngày để sáng hôm sau đi
3	Hỗ trợ tiền đi lại	4.500.000		4.500.000	
-	Các đại biểu huyện Như Xuân, Như Thanh	1.200.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 50.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 70.000đ/người) x 02 chiều x 05 đại biểu	1.200.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
-	Các đại biểu huyện: Thọ Xuân, Triệu Sơn, Hà Trung, Yên Định, thị xã Nghi Sơn.	3.300.000	(Đi từ nhà đến trung tâm huyện 50.000đ/người; đi xe khách từ huyện đến thành phố Thanh Hóa 60.000đ/người) x 02 chiều x 15 đại biểu	3.300.000	Điểm b Khoản 2 Điều 5, TT 40/2017/TT-BTC. Đơn vị đề nghị hỗ trợ tiền tự túc phương tiện đi lại
II	Hỗ trợ kinh phí ăn, ở đi lại cho đại biểu đi học tập kinh nghiệm	169.000.000		167.000.000	
1	Hỗ trợ tiền ăn	32.000.000	20 đại biểu x 200.000 đồng/người/ngày x 08 ngày	32.000.000	Khoản 4 Điều 12 TT 40/2017/TT-BTC
2	Hỗ trợ tiền ngủ (tại Trung tâm Thành phố, Thị xã)	63.000.000	Cần Thơ: 20 đại biểu x 450.000 đồng/người/tối x 6 đêm ; Cà Mau: 20 đại biểu x 350.000 đồng/người/tối x 1 đêm	61.000.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC
3	Tiền thuê xe (xe 45 chỗ Univers chất lượng cao)	72.000.000	08 ngày x 9.000.000 đồng/ngày x 01 xe	72.000.000	Báo giá Công ty TNHH du lịch Hạ Long.
4	Chi khác (thuốc phòng y tế, vé tham quan các điểm...)	2.000.000		2.000.000	Thanh toán theo hóa đơn thực tế, nếu số tiền cao hơn thì lấy theo dự toán, số tiền ít hơn thì lấy theo thực tế và phần còn dư nộp lại NSNN

TT	Nội dung	Đơn vị đề nghị	Số Tài chính thẩm định		
			Nội dung chi tiết	Chi phí	Căn cứ pháp lý
III	Chi hỗ trợ phụ cấp công tác phí cho cán bộ xã, cán bộ huyện, tỉnh và Ban tổ chức của cơ quan chủ trì trong thời gian học tập kinh nghiệm	118.750.000		116.250.000	
1	Tiền lưu trú	40.000.000	25 người x 200.000 đồng/người/ngày x 08 ngày	40.000.000	Khoản 1 Điều 6 TT 40/2017/TT-BTC
2	Tiền ngủ (tại Trung tâm Thành phố, Thị xã)	78.750.000	Cần Thơ: 25 đại biểu x 450.000 đồng/người/tối x 6 đêm ; Cà Mau: 25 đại biểu x 350.000 đồng/người/tối x 1 đêm	76.250.000	Điểm b Khoản 2 Điều 7, TT 40/2017/TT-BTC

PHỤ LỤC II: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DỰ ÁN TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC CHO CỘNG ĐỒNG VÀ CÁN BỘ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH Ở CÁC CẤP THUỘC TIỂU DỰ ÁN 4 DỰ ÁN 5 CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024 CỦA BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa	Gói số 1: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	Thực hiện lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	13.516.000	Vốn Ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG	Chi định thầu rút gọn		10 ngày	Tháng 8/2024	Hợp đồng trọn gói	01 tháng	Không	Không
2		Gói số 2: Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	7.216.000		Chi định thầu rút gọn		10 ngày	Tháng 8/2024	Hợp đồng trọn gói	01 tháng	Không	Không
3		Gói số 3: Tập huấn nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Tập huấn cho cán bộ thôn, bản và cán bộ cấp xã triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm	4.675.527.200	phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn	Đấu thầu rộng rãi trong nước trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc	Một giai đoạn 1 túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 8/2024	Hợp đồng trọn gói	06 tháng	Không	Không

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
		năm 2024.	2024.		2021 - 2025	gia							
4		Gói số 4: Đưa đoàn đi tham quan, học tập kinh nghiệm	Đưa đoàn cán bộ thôn bản, cán bộ xã đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở các tỉnh Tây Bắc, Miền trung và Tây Nam bộ	827.760.000		Đấu thầu rộng rãi trong nước, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ; qua mạng	Một giai đoạn 1 túi hồ sơ	60 ngày	Tháng 8/2024	Hợp đồng trọn gói	06 tháng	Không	Không
Tổng giá gói thầu				5.524.019.200									

- Giá trị gói thầu là mức giá tối đa căn cứ dự toán được phê duyệt. Mức giá cụ thể sẽ được xác định khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.
- Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư cập nhật lại giá gói thầu trong thời gian 28 ngày ngày mở thầu theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2023.